

NGỮ PHÁP MINNA BÀI 9

📖 50 Bài Minna(full) 👁 1,714 Views

Ngữ pháp minna bài 9

Ngữ pháp minna bài 9

Chào các bạn. Chào mừng các bạn đến với Series 50 bài Minna cơ bản. Hôm nay chúng ta sẽ học Minna bài 9.

Chia sẻ 1 chút kinh nghiệm

1. Mới học nên học theo 1 giáo trình, học đi học lại đừng nên học lan man các giáo trình hay app khác. Cái gì chuẩn cứ chịu khó theo. Học đi học lại mới thấm mới nhớ được.
2. Từ mới học 1 lần, vài lần, thậm chí chục lần mới thuộc. Thuộc rồi lại quên- đầu óc của con người là vậy. Học vài lần mà quên là bình thường. Muốn không quên phải sử dụng, ôn tập mỗi ngày.

I. Hoàn cảnh của bài học- Ngữ pháp minna bài 9

– Bài này a Mira rủ chị Kimura đi nghe hòa nhạc, nhưng chị đã có hẹn với bạn nên từ chối. Chị nói 約束（やくそく）がありますから。。。 vì có hẹn với bạn.

– Bài này chúng ta sẽ học cái nói có cái gì đó thông qua mẫu câu があります

– Ngoài ra còn học cách nói ai đó, thích, ghét, giỏi, kém 1 cái gì đó thông qua các tính từ:

すきな thích

きらいな ghét

上手（じょうずな） giỏi

へたな kém

Ngữ pháp minna bài 9

II. Ngữ pháp minna bài 9

Ngữ pháp minna bài 9

1. Danh từ が あります

– Động từ あります – dịch là có. Dùng để nói có cái gì đó

vd: có tiền お金（おかね が あります）, có nhà 家（いえ）が あります, có xe 車（くるま）が あります。

– lưu ý, thường thì を sẽ được dùng vs động từ nhưng あります là đặc biệt và được dùng với が

– Bài 7 có dùng が 1 lần, lần này が dùng với あります

– Tương tự như động từ khác, thể phủ định và câu hỏi sẽ được chia như bình thường

vd: わたし は お金 が ありません。Tôi không có tiền.

あなた は 車 が ありますか。Bạn có xe hơi không.

2. Danh từ が わかります

– Giống với あります, động từ わかります cũng dùng が làm trợ từ

– Dịch là hiểu- hiểu cái gì đó

vd: 日本語（にほんご） が すこし わかります。Tôi hiểu 1 chút tiếng Nhật.

この しゅうくだい が わかります。Tôi hiểu bài tập này.

– Phủ định và nghi vấn của わかります cũng giống như các động từ khác.

vd: 日本語 が わかりません。Tôi không hiểu tiếng Nhật.

にほんご が わかりますか。Bạn có hiểu tiếng Nhật không?

3. Danh từ が すき/きらい/じょうず/へた です。

– すき thích

– きらい ghét

– じょうず giỏi

– へた kém

– 4 từ trên thuộc loại tính từ đuôi な, dùng để nói thích, ghét, giỏi, kém cái gì

vd: thích thể thao スポーツ が すきです。

ghét học bài 勉強（べんきょう） が きらい です

chơi game giỏi ゲーム が じょうず です。

tiếng nhật kém にほんご が へた です。

– Vì là tính từ đuôi な nên khi chia ở phủ định sẽ bỏ な đi và thêm じゃありません

スポーツ が すきですか。Bạn có thích thể thao không

いいえ、すきじゃありません。Không, tôi không thích.

4. どんな + Danh từ

– どんな- dịch là loại nào. Danh từ trong mẫu trên chỉ 1 phạm trù rộng lớn.

– Câu trên dùng để hỏi 1 hoặc nhiều loại trong 1 phạm trù lớn

vd hỏi Bạn thích môn thể thao nào

どんなスポーツ が すき ですか。

サッカーが すき です。 Tôi thích bóng đá

どんな 音楽（おんがく）が すきですか。 Bạn thích loại nhạc nào?

4. Các phó từ chỉ mức độ

– Phó từ là loại từ để bổ nghĩa cho động từ hoặc tính từ

– Bài 7 chúng ta đã học 2 phó từ chỉ mức độ là とても(rất lắm)あまり。。。 ない không lắm

– Bài này chúng ta sẽ học thêm 1 số phó từ nữa.

よく nhiều

だいたい đại thể

たくさん khá nhiều

すこし ít

あまり không đáng kể

ぜんぜん hoàn toàn không

– trong đó よく,だいたい,たくさん,すこし dùng trong câu khẳng định

– あまり,ぜんぜん dùng trong câu phủ định

– áp dụng vào 2 động từ đã học hôm nay là あります và わかります

+ 日本語 が よく/だいたい/すこし わかります.

hiểu rõ,/hiểu 1 cách đại thể/ hiểu 1 chút/ tiếng Nhật

日本語 が あまり/ぜんぜん わかりません。

không hiểu lắm/ hoàn toàn không hiểu tiếng nhật.

+ おかね が たくさん/すこし あります

Tôi có rất nhiều/ một ít tiền

+ おかね が あまり/ぜんぜん ありません.

Tôi không có mấy/ hoàn toàn không có tiền.

5. Câu 1 から、 Câu 2

– から dịch là vì, nối 2 câu thành 1 câu, Câu 1 thể hiện lý do, câu 2 thể hiện kết quả .

vd: Vì không có thời gian nên không học bài.

じかん が ありません から、べんきょう しません。

お金 が ありません から 本（ほ） を かいません。

Không có tiền nên không mua sách.

6. どうして

– Dùng trong câu hỏi để hỏi tại sao.

vd: tại sao ngày mai mày nghỉ vậy?

どうして あした やすみますか。

あした しけん（試験） が ありますから。 Vì ngày mai tao có bài thi.

– Lưu ý câu trả lời cần có から ở cuối câu. Vì câu hỏi nguyên nhân.

Ngữ pháp minna bài 9

III. Nói thêm về văn hóa của người Nhật liên quan tới minna bài 9

Ngữ pháp minna bài 9

– Lưu ý khi dùng じょうず với bản thân mình, như vậy có ý tự mãn cao. くらい cũng vậy. Trừ khi thật thân thiết.

– Khi rủ người Nhật, nếu họ từ chối họ thường nói ちょっと 用事（ようじ が あります） dịch là có việc riêng. Đừng cố gắng hỏi là việc riêng là việc gì nhé.

– Người Nhật họ khiêm tốn, nếu họ hiểu họ sẽ nói すこし わかります. Nếu họ hiểu rất nhiều họ sẽ nói だいたい わかります. Cộng cho họ một cấp hiểu với những gì họ nói thì thường đúng.

IV. Phần luyện tập liên quan tới bài minna bài 9

– Một bạn hay đọc bài của mình tên là Hoang Ngan Nguyen có góp ý là nên lấy các ví dụ cụ thể cho phần luyện tập. Cảm ơn bạn rất nhiều. Hôm nay các bạn hãy luyện tập nói các câu sau nhé.

1. Tôi có rất nhiều tiền.

2. Bạn An thích chơi thể thao và nghe nhạc.

3. Bố tôi ghét phim Hàn quốc nhưng tôi thì lại thích.

4. Anh trai tôi có xe đạp nên ngày nào anh tôi cũng tới trường bằng xe đạp.

5. Tôi thích nhật bản nên tôi học tiếng nhật mỗi ngày bằng tivi

6. Bạn thích món ăn nào?

7. Vì tôi không khỏe nên ngày mai tôi không đến trường

8. Tôi hoàn toàn không thích cô ta chút nào.

9. Vì sao bạn không làm bài tập vậy?

10. Tôi rất thích phim hoạt hình nhật bản nên tôi thường xuyên xem.

Dịch các câu sau sang tiếng Việt

11.かんじ（漢字）が あまり わかりません が、 ひらがな が すこし わかります。

12.おすし が すきですか。

13.どんな コーヒーが きらい ですか。

14.日本語のほん が よみますか。

あまりわかりません から よみません。

15.あした 何（なに） を しますか。

宿題（しゅくだい）が ありますから、いえ で べんきょう します。

Xin hết minna bài 9. Chúc các bạn học tốt. Xin cảm ơn.

Comments

comments